Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Chi Lăng
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn

**BIỂU 5: CHI TIẾT KINH PHÍ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Hộ gia đình cá nhân Ông/bà | Loại cây cối, hoa mầu | Đơn vị tính | Tổng số lượng | Mật độ quy diện tích | Đơn giá | Hệ số theo khoản 5 Điều 2; khoản 3 Điều 3; khoản 3 Điều 7, Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | *Cây trồng vượt mật độ (hỗ trợ 30% đơn giá)* | *Cây trông xen (60% đơn giá)* | *Cây trông trên đất Lúa (10% đơn giá)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | **Hộ ông Vi Văn Đàn** | | | | | | | | |
| | | **Thửa: 52.1; tờ số 43; DTTH: 64,3m²** | | | | | | | |
| | | ***Cây trồng trong mật độ*** | | | **60** | | | | |
| | | Cây Bưởi, đường kính gốc > 15 cm | Cây | 1 | 20 | 1.006.000 | | | |
| | | Cây Bưởi, đường kính gốc > 10 đến 15 cm | Cây | 1 | 20 | 922.000 | | | |
| | | Cây Bưởi, đường kính gốc > 5 đến 10 cm | Cây | 1 | 20 | 499.000 | | | |
| | | ***Cây trồng ngoài mật độ*** | | | | | | | |
| | | Cây Sưa, đường kính gốc < 5 cm | Cây | 2 | | 24.000 | 30% | | |

*(Số tiền bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| Thành tiền | Ghi chú |
|---|---|
| **(11)** | **(12)** |
| **2.441.400** | |
| | |
| | |
| 1.006.000 | |
| 922.000 | |
| 499.000 | |
| | |
| 14.400 | |

**BIEU 4: CHI TIET KINH PHI HO TRỢ KHAC ĐE ON ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **III. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại thôn Ga, xã Chi lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn** | | | | | | | | | |
| **1** | **Hộ ông Vi Văn Đàn** | | | | | | | | |
| | | 52.1 | | 43 | | Đất trồng cây lâu năm | 1 | 2 | 64,3 |

*(Số tiền bằng chữ: Hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm đồng)*

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**BIỂU 4: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG THEO KHOẢN 1 ĐIỀU 17 QUYẾT ĐỊNH SỐ 07/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|
| | | |
| | **2.636.300** | |
| 41.000 | 2.636.300 | |

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

*Đơn vị tính: Đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|

**BIỂU 3: CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP CÔNG TRÌNH:**

**CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **IV. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại thôn Ga, xã Chi lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn** | | | | | | | | | |
| **1** | **Hộ ông Vi Văn Đàn** | | | | | | | | |
| | | 52.1 | | 43 | | Đất trồng cây lâu năm | 1 | 2 | 64,3 |

*(Số tiền bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm linh tám nghìn, chín trăm đồng)*

*Đơn vị: đồng*

| Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|
| | | |
| | **7.908.900** | |
| 123.000 | 7.908.900 | |

**BIEU 2: CHI TIET KINH PHI BOI THƯƠNG VE ĐAT CÔNG TRÌNH:**

**CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Họ và tên cá nhân/tổ chức sử dụng đất | Số hiệu thửa đất | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | Tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 | Mục đích sử dụng | Nhóm | Vị trí | Diện tích thu hồi (m²) | Đơn giá (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **IV. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại thôn Ga, xã Chi lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn** | | | | | | | | | | |
| **1** | **Hộ ông Vi Văn Đàn** | | | | | | | | | |
| | | 52.1 | | 43 | | Đất trồng cây lâu năm | 1 | 2 | 64,3 | 41.000 |

*(Số tiền bằng chữ: Hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm đồng)*

*Đơn vị: Đồng*

| Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|
| | |
| **2.636.300** | |
| 2.636.300 | |

**BIỂU 1: TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG TRÌNH:**
**CẢI TẠO ĐƯỜNG DÂY 110KV BẮC GIANG - LẠNG SƠN**
*(Kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Chi Lăng)*

| STT | Hộ gia đình cá nhân Ông/bà | Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ | Trong đó | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Bồi thường đất | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | Hỗ trợ khác theo khoản 1 Điều 17 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 |
| (1) | (2) | (3) = (4)+…+(8) | (4) | (5) | (6) |
| **I. Người được bồi thường, hỗ trợ thường trú tại thôn Ga, xã Chi lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn** | | | | | |
| **1** | **Hộ ông Vi Văn Đàn** | **15.622.900** | 2.636.300 | 7.908.900 | 2.636.300 |

*(Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm đồng)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| **Bồi thường cây cối, hoa màu** | **Ghi chú** |
|---|---|
| (7) | (8) |
| | |
| 2.441.400 | |